

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2021/HNGĐ-ST

Ngày 06-10-2021

“Tranh chấp ly hôn, con chung”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Sang;

Bà Nguyễn Thị Thúy Liễu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Châu Thị Phương Liên, là Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 06 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 240/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2021 về “Tranh chấp ly hôn và con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 156/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2021; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Ng, sinh năm 1984 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Cây Dương, xã Thanh Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1979 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Cây Dương, xã Thanh Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Lê Thị Ng trình bày và yêu cầu: Bà và ông Nguyễn Thanh S tự nguyện quen nhau và tổ chức lễ cưới vào năm 2006, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Thanh Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, thời gian đầu bà và ông S sống chung với rất hạnh phúc, nhưng không được bao lâu thì liên tục xảy ra bất hòa, bà nhiều lần cho ông S cơ hội

sửa đổi, hàn gắn nhưng không thành. Bà không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân được nữa nên quyết định ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Tố Tr, sinh ngày 24/6/2007, hiện đang chung sống cùng bà với ông S.

- Về tài sản chung: Bà và ông S có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Không có.

Bà Ng yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thanh S.

- Về con chung: Tôn trọng ý kiến của con chung, nhưng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự có cơ hội đoàn tụ và thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên đối với ông Nguyễn Thanh S là bị đơn đã được Tòa án tổng đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ, nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án lập biên bản không tiến hành được và quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Lê Thị Ng và ông Nguyễn Thanh S đều vắng mặt, nhưng bà Ng có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Bà Ng giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông S; yêu cầu được nuôi con chung.

Đối với ông Nguyễn Thanh S vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Nguyễn Thanh S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”. Bị đơn ông Nguyễn Thanh S cư trú tại ấp Cây Dương, xã Thanh Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Sau khi thụ lý, Tòa án đã ra thông báo về việc thụ lý vụ án và tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 196, 208, 209, 210 và Điều 211 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa bà Ng vắng mặt, nhưng có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; ông S vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà Ng và ông Nguyễn Thanh S.

[2] Về hôn nhân: Bà Lê Thị Ng và ông Nguyễn Thanh S tổ chức cưới nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Thanh Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 17/11/2008, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Trong quá trình chung sống theo bà Ng giữa bà với ông S xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng không dàn xếp được, nguyên nhân là do vấn đề tiền bạc. Do không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân với ông S nên bà Ng khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông S.

Xét đơn khởi kiện của bà Lê Thị Ng về yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thanh S; Hội đồng xét xử xét thấy chưa có đủ căn cứ để chấp nhận.

Mặc dù sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh đã tổng đạt đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của bà Ng và các chứng cứ kèm theo cho ông S; thông báo việc thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải gửi cho ông S; ông S biết việc bà Ng yêu cầu ly hôn với ông S được Tòa án thụ lý, giải quyết. Mặc dù biết được việc bà Ng làm đơn yêu cầu ly hôn và được Tòa án thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải nhưng ông S không đến, không tạo điều kiện gặp bà Ng để hàn gắn. Nhưng khi Tòa án trực tiếp làm việc ông S có bản tự khai nêu ra nguyên nhân mâu thuẫn nhỏ trong vấn đề làm ăn giữa ông với bà Ng; ông S cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn, con còn nhỏ đang đi học không chấp thuận ly hôn theo yêu cầu của bà Ng.

Đối với bà Ng, mặc dù gửi đơn ly hôn với ông S nhưng hai người vẫn sống chung trong một nhà, bà Ng cũng không nêu ra được mâu thuẫn, bất đồng giữa bà với ông S là những mâu thuẫn gì, có nghiêm trọng hay không, có đủ căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà. Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai bà Ng không nêu ra được mâu thuẫn của bà với ông S; ông S không có hành vi bạo lực gia đình, cũng không vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng. Do bà Ng không có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện được ly hôn của bà với ông S, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Ng.

Do Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Ng với ông S nên Hội đồng xét xử không xem xét về con chung và tài sản chung giữa bà Ng với ông S.

Về án phí: Bà Lê Thị Ng phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56 của Luật hôn nhân và Gia đình. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Ng về việc ly hôn với ông Nguyễn Thanh S.

Về án phí: Bà Lê Thị Ng phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003747 ngày 06 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Thanh Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lê Văn Hùng